TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Huận

2. Bà Đậu Thị Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà: Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Thanh T1; Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/04/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị Phạm Thị T và anh Dương Thanh T1 có quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2017 tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn. Chị T và anh T1 đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị T mong muốn ly hôn với anh T1 để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Chị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Dương Hà V, sinh ngày 13/02/2018, hiện cháu còn nhỏ nên chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản và công nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho anh T1 nhưng anh T1 không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Xuân kết quả cho thấy: Sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã cử cán bộ liên lạc giao đầy đủ cho phía gia đình anh T1.

Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch tiến hành lấy lời khai của bà Dương Thị H là mẹ ruột của anh Dương Thanh T1, bà Hòa khai: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh T1 vào sinh sống tại Đồng Hới, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, sau này có mâu thuẫn, vợ chồng bất hòa. Hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải để vợ chồng anh T1 đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Chị T làm đơn ly hôn thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, vợ chồng chị T có một con chung là Dương Hà V, sinh ngày 13/02/2018; không có tài sản chung.

Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51, 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này. Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Dương Thanh T1. Về quan hệ tình cảm: áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị T ly hôn với anh Dương Thanh T1. Về quan hệ con chung: Giao con Dương Hà Vy, sinh ngày 13/02/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và công nợ chung: không xem xét. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: Chị Phạm Thị T và anh Dương Thanh T1 tìm hiểu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06 tháng 6 năm 2017 vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn

hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc một thời gian, do mâu thuẫn trong cuộc sống nên chị T và anh T1 đã sống ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xét xử cho chị T được ly hôn với anh T1.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng anh Dương Thanh T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Thanh T1.

[2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị T và anh T1 có một con chung tên là tên là Dương Hà Vy, sinh ngày 13/02/2018. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Vy còn nhỏ tuổi và hiện nay đang sống với chị T, vì vậy giao cháu Vy cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh T1 không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Dương Thanh T1.

2. Về quan hệ tình cảm: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Dương Thanh T1.

3. Về quan hệ con chung: Giao con Dương Hà V, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2018 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét

4. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí chị T phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0002285. ngày 18/5/2023. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/9/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Liên Trường;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lan Phương